

Các yếu tố quyết định hệ số an toàn vốn của ngân hàng thương mại Việt Nam, 2006-2010

PHẠM HỮU HỒNG THÁI

Sử dụng dữ liệu của 17 ngân hàng từ năm 2006 đến năm 2010, bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hệ số an toàn vốn của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam. Kết quả cho thấy rằng các yếu tố như quy mô ngân hàng, quy mô tiền gửi, dư nợ cho vay, dự phòng rủi ro tín dụng, hệ số thanh khoản, ROA, tỷ suất lợi nhuận biên ròng và hệ số đòn bẩy tài chính đều có ảnh hưởng đến hệ số an toàn vốn. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao hệ số an toàn vốn cho các ngân hàng thương mại trong thời gian tới.

Ngành ngân hàng được xem là xương sống của nền kinh tế Việt Nam, đóng vai trò rất lớn trong sự nghiệp phát triển chung của đất nước. Tuy nhiên, trong vài năm gần đây cuộc khủng hoảng ngân hàng trở nên phổ biến với quy mô cũng như mức độ ngày càng lớn. Vài thập kỷ trước, các nhà kinh tế học theo trường phái trọng tiền, khởi xướng là Friedman và Schwartz (1963), đã gắn các cuộc khủng hoảng tài chính với khủng hoảng ngân hàng. Họ cho rằng một cuộc khủng hoảng ngân hàng sẽ gây ra một cuộc khủng hoảng tài chính và sự ổn định của hệ thống ngân hàng bị đe dọa, hạ tầng tài chính có thể bị sụp đổ nếu thiếu sự can thiệp của ngân hàng trung ương. Sự đổ vỡ của một ngân hàng chủ chốt thường là yếu tố thúc đẩy hiện tượng đột biến rút tiền gửi tại các ngân hàng khác. Người gửi tiền thường hoảng loạn vì không phân biệt được ngân hàng nào tốt và ngân hàng nào xấu. Một cuộc chạy đua rút tiền diễn ra và hậu quả là hiệu ứng lan tỏa đến toàn bộ hệ thống và khủng hoảng ngân hàng ập đến.

Để ngăn chặn sự đổ vỡ của ngân hàng và bảo vệ lợi ích của người gửi tiền, các nhà quản lý ngành ngân hàng phải duy trì và nhấn mạnh tầm quan trọng của tỷ lệ vốn an toàn (CAR-Capital adequacy ratio) trong hoạt động ngân hàng tối thiểu theo tiêu chuẩn Basel. CAR là một trong những yếu tố

rất quan trọng trong việc xác định tình trạng sức khỏe của các ngân hàng; vì vậy, việc tìm hiểu các yếu tố quyết định đến hệ số CAR của ngân hàng là hết sức quan trọng và cần thiết.

1. Các yếu tố quyết định hệ số CAR

• Quy mô ngân hàng (Banks size)

Jim Wong, Ka-fai Choi và Tom Fong (2005) khi nghiên cứu các yếu tố tác động hệ số an toàn vốn của ngân hàng ở Hồng Kông đã chỉ ra rằng, quy mô ngân hàng được xác định bằng logarit của tổng tài sản có tương quan nghịch với hệ số CAR, bởi vì ngân hàng càng lớn thì càng nắm giữ nhiều tài sản rủi ro hơn so với ngân hàng nhỏ. Cùng quan điểm đó, Gropp và Heider (2007), Shrieves và Dahl (1992) cũng cho rằng quy mô tài sản của ngân hàng rất quan trọng và có tương quan nghịch với hệ số CAR. Điều đó có nghĩa là ngân hàng càng lớn thì hệ số CAR càng nhỏ. Tuy nhiên, Jackson và các cộng sự (2002) lại cho rằng ngân hàng càng lớn sẽ có xu hướng giữ hệ số CAR càng lớn, do dự trữ vốn vượt quá sự mong đợi của thị trường.

• Tiền gửi khách hàng (DEP - Deposit)

Tiền gửi khách hàng là tỷ số giữa tổng tiền gửi khách hàng trên tổng tài sản và ký hiệu là DEP. Theo Kleff and Weber (2003), nhìn

Phạm Hữu Hồng Thái, TS., Trường Đại học Tài chính-Marketing, Bộ Tài chính.

chung vốn từ tiền gửi khách hàng có chi phí thấp hơn là chi phí đi vay các công cụ tài chính khác (ví dụ như trái phiếu hay các chứng khoán vốn khác). Khi tiền gửi khách hàng tăng lên, ngân hàng sẽ có nhiều quy định hơn cũng như kiểm soát chặt chẽ hơn để đảm bảo quyền lợi người gửi tiền, đảm bảo tính thanh khoản cho ngân hàng. Nếu người gửi tiền không thể xác định được sự ổn định của ngân hàng mà họ gửi tiền, thì ngân hàng sẽ duy trì hệ số CAR thấp hơn tỷ lệ vốn tối ưu (tỷ lệ vốn tối ưu là hệ số an toàn vốn mà ngân hàng duy trì khi người gửi tiền đánh giá khả năng tài chính của ngân hàng đó một cách chính xác). Nhưng nếu người gửi tiền có thể biết chính xác ngân hàng họ gửi tiền có khả năng tài chính mạnh, thì ngân hàng có thể duy trì khả năng vững mạnh về nguồn vốn, từ đó người gửi tiền sẽ chấp nhận lãi suất tiền gửi thấp hơn, Asarkaya and Özcan (2007) đã tìm thấy mối tương quan nghịch giữa hệ số tiền gửi khách hàng và hệ số CAR.

• Dư nợ cho vay của ngân hàng (LOA - Loan)

Hệ số dư nợ cho vay của ngân hàng là tỷ lệ giữa tổng khối lượng tiền cho vay và tổng tài sản của ngân hàng. Mpuga (2002) đã chỉ ra rằng giữa dư nợ cho vay và hệ số CAR có mối quan hệ đồng biến, nghĩa là khi dư nợ cho vay tăng thì hệ số CAR cũng tăng và ngược lại.

• Dự phòng rủi ro tín dụng (LLR - Loan Loss Reserves)

Dự phòng rủi ro tín dụng được định nghĩa như là giá trị dự trữ cho những mất mát có thể xảy ra trong tổng số tiền cho vay của ngân hàng trên bảng cân đối kế toán. LLR được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng giá trị dự phòng cho các khoản mất mát trong danh mục cho vay trên tổng số tiền cho vay và được xem như là một trong các yếu tố xác định rủi ro và sức khỏe tài chính của ngân hàng. Bloise (2001), Hassan (1992) và Chol (2000) chỉ ra rằng việc dự phòng các khoản cho vay khó đòi sẽ gây ra sự suy giảm về hệ số CAR.

• Hệ số thanh khoản (LIQ - liquidity)

LIQ được xác định như là tỷ lệ của tiền mặt và các khoản tương đương tiền đối với tổng tài sản của ngân hàng. Angbazo (1997) cho rằng tỷ lệ vốn đầu tư vào tiền mặt hoặc tương đương tiền tăng sẽ làm giảm rủi ro thanh khoản, dẫn đến phí bảo hiểm thanh khoản thấp hơn lợi nhuận ròng. Vì vậy, gia tăng tính thanh khoản của ngân hàng có thể tác động tích cực đến hệ số CAR.

• Lợi nhuận trên tài sản (ROA - Return on Assets)

Lợi nhuận trên tài sản (ROA) và lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) được xem như là các tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá tính hiệu quả của hoạt động ngân hàng. Nhìn chung, các ngân hàng có khuynh hướng sử dụng lợi nhuận giữ lại để tăng vốn. ROA và hệ số CAR có thể liên quan tích cực với nhau, bởi lẽ ngân hàng thường kỳ vọng gia tăng tài sản rủi ro để thu được lợi nhuận cao trong hầu hết các trường hợp. Gropp và Heider (2007), khi nghiên cứu các ngân hàng ở Châu Âu, chỉ ra rằng lợi nhuận ngân hàng có khuynh hướng giữ lại để tăng vốn và đầu tư vào tài sản rủi ro, nghĩa là, lợi nhuận càng cao thì hệ số CAR càng lớn.

• Tỷ suất lợi nhuận ròng (NIM - Net interest margin)

NIM được xác định như là tỷ lệ giữa thu nhập ròng và tổng tài sản và được gọi là tỷ suất lợi nhuận ròng của ngân hàng. Tỷ suất lợi nhuận ròng là một yếu tố quan trọng của lợi nhuận ngân hàng, chịu ảnh hưởng của biến động thị trường lãi suất và rủi ro mặc định trên lợi nhuận được công nhận. Lợi nhuận của ngân hàng được dùng để chi trả cho các chi phí trung gian; bên cạnh đó cũng phản ánh quy mô của tài sản và nợ phải trả. Cụ thể hơn, lãi ròng tạo ra thu nhập dựa trên việc tăng thêm rủi ro. Angbazo (1997) chỉ ra rằng phần vốn đệm có thể ít hơn nếu rủi ro được mặc định thấp, nghĩa là NIM càng tăng thì hệ số CAR càng giảm.

• **Hệ số đòn bẩy ký hiệu (LEV - leverage)**

Yếu tố đòn bẩy ngân hàng được đo bằng tổng vốn chủ sở hữu trên tổng nợ phải trả. Cổ đông sẽ tìm thấy ngân hàng có đòn bẩy cao sẽ có nhiều rủi ro hơn so với các ngân hàng khác. Các ngân hàng sử dụng đòn bẩy cao để tăng vốn chủ sở hữu. Do chi phí vốn chủ sở hữu cao, nên các ngân hàng sử dụng đòn bẩy cao sẽ có vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn do đòn bẩy tạo ra. Vì vậy, nghiên cứu này kỳ vọng sẽ có mối quan hệ cùng chiều giữa hệ số LEV và hệ số CAR.

$$CAR_{it} = \beta + \beta_1 SIZE_{it} + \beta_2 DEP_{it} + \beta_3 LOA_{it} + \beta_4 LLR_{it} + \beta_5 LIQ_{it} + \beta_6 ROA_{it} + \beta_7 NIM_{it} + \beta_8 LEV_{it} + \varepsilon_{it}$$

Trong đó: $i = 1, 2, \dots, 17$ ngân hàng và $t = 2006, 2007, \dots, 2011$

SIZE là quy mô ngân hàng, được tính bằng cách logarit của tổng tài sản.

DEP là tỷ số tổng tiền gửi trên tổng tài sản.

LOA là tỷ số tổng dư nợ trên tổng tài sản.

LLR là tỷ số dự phòng rủi ro tín dụng trên tổng tài sản.

LIQ là tỷ số tiền mặt và các khoản tương đương tiền trên tổng tài sản.

ROA là tỷ số lợi nhuận ròng trên tổng tài sản.

NIM là tỷ số giữa thu nhập lãi ròng và tỷ suất sinh lợi.

LEV là tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.

2.3. Giả thuyết

H: quy mô ngân hàng, tiền gửi, dư nợ cho vay, dự phòng rủi ro tín dụng, thanh khoản

ngân hàng, ROA, NIM, và LEV có ảnh hưởng đến hệ số an toàn vốn

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

BẢNG 1: Kết quả hồi quy

	C	SIZE	DEP	LOA	LLR	LIQ	ROA	NIM	LEV
Hệ số	0,208	-0,009	0,026	-0,047	0,965	0,045	-0,727	-0,195	0,90
t-Statistic	53,84	-51,81	17,27	-29,99	20,64	27,55	-225,95	-8,83	195,65
Std.Error(t)	0,004	0,000	0,001	0,002	0,047	0,002	0,003	0,022	0,005
P(t-Statistic)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
R-Squared	0,652	0,562	0,670	0,591	0,620	0,721	0,564	0,645	0,573
D — W	1,98	1,97	2,09	2,23	2,01	1,95	1,92	2,45	2,11

Nguồn: từ phân tích của tác giả.

P-Value của tất cả các hệ số từ $\beta_1 \rightarrow \beta_8$ đều bằng 0,00, cho thấy tất cả các biến độc lập đều có tác động có ý nghĩa đến hệ số CAR của ngân hàng.

3.1. Quy mô ngân hàng

Quy mô ngân hàng có mối tương quan âm với hệ số CAR và có ý nghĩa thống kê 5% trong mô hình. Mối tương quan âm chỉ ra

rằng các ngân hàng Việt Nam càng mở rộng quy mô thì hệ số an toàn vốn càng giảm. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với các kết quả nghiên cứu trước đây của Gropp and Heider (2007) và Shrieves and Dahl (1992). Các nghiên cứu này cho rằng ngân hàng càng lớn thì càng nắm giữ nhiều tài sản rủi ro hơn so với ngân hàng nhỏ.

Thực vậy, ở Việt Nam các ngân hàng có quy mô lớn như Vietcombank (VCB), Eximbank (EIB)... thường có xu hướng kinh doanh rủi ro hơn, vì thế họ chấp nhận nắm giữ nhiều tài sản rủi ro so với các ngân hàng nhỏ. Tổng tài sản của Vietcombank năm 2012 ước tính đạt 432.731 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2011. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ ước tính dưới 2,8%, tăng 2,46% so với năm 2011. Tuy nhiên, các chuyên gia nước ngoài dự báo nợ xấu trong toàn bộ hệ thống khoảng trên 10% trên tổng dư nợ. Nợ xấu tăng sẽ làm giảm hệ số CAR. Trong nghiên cứu này, mối quan hệ giữa hệ số CAR và quy mô ngân hàng cho thấy cứ quy mô tăng 1% thì hệ số an toàn vốn lại giảm đi 0,009%.

3.2. Hệ số tiền gửi khách hàng

Nhìn chung vốn từ tiền gửi khách hàng có chi phí thấp hơn là chi phí đi vay hay các công cụ tài chính khác. Quy mô tiền gửi (DEP) có mối tương quan dương với hệ số an toàn vốn của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam và có ý nghĩa thống kê 5%. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng ở Việt Nam, ngân hàng thu hút được tiền gửi từ khách hàng càng nhiều thì có hệ số CAR càng cao. Kết quả nghiên cứu phù hợp với kết quả nghiên cứu của Kleff and Weber (2003). Nghiên cứu này cho rằng tiền gửi của khách hàng được xem là nguồn vốn rẻ nhất trong các công cụ huy động vốn. Khi tiền gửi khách hàng tăng lên, ngân hàng sẽ có nhiều quy định hơn cũng như kiểm soát để đảm bảo quyền lợi người gửi tiền, đảm bảo tính thanh khoản cho ngân hàng. Ngược lại, khi một ngân hàng thu hút được ít tiền gửi từ khách hàng thì để đảm bảo cho nhu cầu thanh khoản của mình, ngân hàng phải đi vay từ

thị trường liên ngân hàng với lãi suất cao, làm cho chi phí tăng, từ đó làm giảm dự trữ và hệ số CAR cũng giảm theo.

Tại Việt Nam, các ngân hàng lớn như EIB, VCB tiên thân là các ngân hàng thương mại nhà nước nên có lợi thế rất lớn trong việc thu hút vốn, đặc biệt là nguồn vốn từ các tổng công ty nhà nước, các tập đoàn kinh tế. Khi việc tăng trưởng tín dụng bị khống chế, việc cho vay thêm là không thể trong khi nguồn vốn huy động được còn khá dồi dào, nên dự trữ của ngân hàng cũng tăng lên. Trong khi đó, các ngân hàng nhỏ gặp rất nhiều khó khăn trong việc huy động vốn, nguồn vốn huy động của các ngân hàng nhỏ có được chủ yếu từ dân cư và các khách hàng nhỏ lẻ, vì thế để huy động được vốn các ngân hàng nhỏ buộc phải tham gia vào cuộc chạy đua lãi suất, ngân hàng càng nhỏ thì lãi suất huy động càng cao. Cuộc chạy đua lãi suất làm chi phí sử dụng vốn tăng lên làm lợi nhuận giảm, vì thế các ngân hàng nhỏ buộc phải tăng tài sản rủi ro để tìm kiếm thêm lợi nhuận và vì thế làm hệ số CAR giảm đi. Cụ thể trong mô hình này thì tiền gửi khách hàng tăng lên 1% thì hệ số CAR sẽ tăng lên 0,026%.

3.3. Dư nợ cho vay của ngân hàng

Trái ngược với kỳ vọng ban đầu là khi dư nợ cho vay của ngân hàng tăng lên sẽ làm cho hệ số CAR tăng lên. Trong mô hình này kết quả hoàn toàn ngược lại là khi dư nợ cho vay tăng lên sẽ làm cho hệ CAR giảm đi với mức ý nghĩa 5%. Sự trái ngược này có thể có nhiều nguyên nhân chẳng hạn như trong những năm vừa qua do lạm phát tăng cao, dẫn đến việc Ngân hàng Nhà nước buộc phải áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ, làm cho các ngân hàng thiếu hụt nguồn vốn, nhưng nhu cầu cho vay vẫn không ngừng tăng cao. Điều này buộc các ngân hàng chạy theo lợi nhuận vẫn phải duy trì và đẩy mạnh hoạt động cho vay, từ đó làm thiếu hụt nguồn vốn dự trữ. Cũng có thể do trong thời gian xảy ra cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu, Chính phủ Việt Nam đã sử dụng gói kích cầu 4% làm

cho nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp tăng, làm giảm tiền gửi khách hàng, cả hai tác động này cùng lúc đã làm giảm hệ số CAR. Kết quả hồi quy của mô hình trong nghiên cứu này đã chỉ ra rằng dư nợ cho vay tăng 1% thì hệ số CAR giảm 0,047%.

3.4. Dự phòng rủi ro tín dụng

Trái với kỳ vọng là hệ số LLR có tương quan nghịch với hệ số CAR. Trong nghiên cứu của Blose (2001) hay của Hassan (1992) và Chol (2000) đã chỉ ra rằng việc dự phòng các khoản cho vay khó đòi sẽ gây ra sự suy giảm về hệ số CAR. Vì khi dự phòng các khoản cho vay tăng lên sẽ làm tăng lượng tiền cần thiết để dự trữ, từ đó làm suy giảm hệ số CAR. Nó tác động trực tiếp và ngay tức thì đến hệ số CAR.

Trong nghiên cứu này, ở Việt Nam hiện nay cứ tăng 1% hệ số LLR sẽ làm tăng 0,965% hệ số an toàn vốn CAR. Kết quả nghiên cứu hoàn toàn trái ngược với kỳ vọng ban đầu. Nguyên nhân có thể là do trong những năm gần đây, thị trường có những khó khăn, nên các ngân hàng có xu hướng kiểm soát nợ xấu theo hướng giảm dần, nên giảm dần mức độ kinh doanh rủi ro. Ví dụ số trích dự phòng của Vietcombank tăng thêm 1.500 tỷ đồng trong năm 2010, nên lợi nhuận năm 2010 của VCB thấp hơn năm 2009. Lợi nhuận giảm có thể do giảm mức độ kinh doanh rủi ro của các ngân hàng trong khi đó trích lập dự phòng lại tăng. Cả hai yếu tố đó đã góp phần làm tăng lượng tiền dự trữ của ngân hàng nên hệ số CAR cũng tăng theo.

3.5. Hệ số thanh khoản

Dự trữ thanh khoản bao gồm cả dự trữ bằng tiền và dự trữ thứ cấp (giấy tờ có giá có đủ điều kiện để tái cấp vốn/tái chiết khấu; hạn mức tín dụng được cấp bởi tổ chức tài chính khác...). Hiện tại, vấn đề thanh khoản của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam khá trầm trọng. Các ngân hàng thương mại vẫn nằm trong tình trạng "hoảng sợ" không dám cho vay. Nợ xấu trong hệ thống, gốc rễ là ở vấn đề thanh khoản. Điều này không dễ

dàng giải quyết nhanh chóng, nhất là vào thời điểm các thị trường tài sản chưa tan băng như hiện nay. Một số ngân hàng thương mại phải tăng vốn điều lệ theo lộ trình, ban lãnh đạo ngân hàng thương mại chạy theo mục tiêu lợi nhuận hoặc để đảm bảo mức chi trả cổ tức cho cổ đông, trong khi nguồn thu nhập chủ yếu dựa vào thu lãi cho vay,... thường rơi vào tình huống nêu trên và từ đó làm cho tính thanh khoản của ngân hàng giảm, nên tác động tiêu cực đến hệ số CAR. Kết quả này cũng hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu của Ghoshi và các cộng sự (2003) và Hahn (1966).

Kết quả nghiên cứu này cho thấy, tính thanh khoản LIQ có mối tương quan đồng biến với hệ số CAR của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam và có ý nghĩa thống kê tại 5% trong mô hình. Kết quả này hoàn toàn đúng với thực tế và cụ thể đối với các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Hệ số thanh khoản càng tăng thì sẽ giảm rủi ro an toàn vốn, cứ tăng 1% hệ số thanh khoản thì hệ số CAR sẽ tăng 0,045%. Angbazo (1997) cho rằng tỷ lệ vốn đầu tư vào tiền mặt hoặc tương đương tiền tăng sẽ làm giảm rủi ro thanh khoản dẫn đến phí bảo hiểm thanh khoản thấp hơn lợi nhuận ròng. Vì vậy, tăng thanh khoản ngân hàng có thể có tác động tích cực đến tỷ lệ an toàn vốn.

3.6. Lợi nhuận trên tài sản

Trong nghiên cứu này, hệ số ROA lại có tương quan nghịch chiều với hệ số CAR. Kết quả này trái ngược với nghiên cứu của Gropp và Heider (2007) khi nghiên cứu các ngân hàng ở Châu Âu. Trong khi Gropp và Heider cho thấy rằng lợi nhuận ngân hàng có xu hướng giữ lại để tăng vốn và đầu tư vào tài sản, khi tăng ROA sẽ làm tăng CAR, thì nghiên cứu này lại chỉ ra rằng tại Việt Nam với mức ý nghĩa 5% thì ROA tăng lên 1% sẽ làm cho hệ số CAR giảm 0,727%. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Morrison và White (2001).

Kết quả nghiên cứu đã phản ánh đúng thực trạng của nền kinh tế Việt Nam. Năm 2006, nền kinh tế Việt Nam phát triển trong

điều kiện thuận lợi, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 8,17%, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đã làm cho tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản của các ngân hàng đều tăng cao, ROA trung bình đạt 1,45%, tăng so với mức 1,35% của năm 2005. Tiếp tục đà tăng trưởng của năm 2006, trong năm 2007, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 8,48%, đây là mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn từ năm 2005-2010; ROA trung bình của các ngân hàng đạt mức 1,48% cũng là mức cao nhất trong 6 năm từ 2005-2010. Năm 2008, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt nguồn từ Mỹ đã lan rộng ra khắp thế giới và có ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam giảm chỉ còn 6,23%, ROA của các ngân hàng thương mại cổ phần cũng vì thế mà đồng loạt giảm theo khiến cho ROA trung bình trong năm 2008 giảm so với năm 2007 và chỉ đạt ở mức 1,40%. Năm 2009, ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu vẫn chưa thực sự chấm dứt, thị trường trong nước và thế giới diễn biến theo chiều hướng phức tạp, tốc độ tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 5,32%. Từ năm 2008 đến năm 2010, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã gây ra một vấn đề nghiêm trọng về sức khỏe hệ thống ngân hàng, nên để đảm bảo cho sự phát triển an toàn của hệ thống ngân hàng Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước đã áp dụng những quy định khắt khe hơn về mức độ an toàn vốn đối với các ngân hàng theo hướng đáp ứng các chuẩn mực quốc tế.

3.7. Tỷ suất lợi nhuận biên ròng

Tỷ suất lợi nhuận biên ròng của ngân hàng có mối tương quan âm với hệ số CAR và có ý nghĩa thống kê tại mức ý nghĩa 5% trong mô hình. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Angbazo (1997). Trong nghiên cứu của mình, Angbazo cho rằng phần vốn đệm có thể rút giảm nếu rủi ro mặc định thấp và có mối quan hệ nghịch giữa tỷ suất lợi nhuận ròng và hệ số an toàn vốn CAR.

Thật vậy khi tỷ suất lợi nhuận ròng tăng lên đồng nghĩa với việc cho vay sẽ tăng lên vì phần lớn lợi nhuận chính của ngân hàng là

nhờ cho vay. Cho vay tăng làm giảm lượng tiền dự trữ của ngân hàng và từ đó làm giảm tính thanh khoản cũng như rủi ro tăng lên. Trong nghiên cứu này thì cứ tăng 1% tỷ suất lợi nhuận ròng thì các ngân hàng thương mại Việt Nam sẽ giảm 0,195% hệ số CAR.

3.8. Hệ số đòn bẩy

Hệ số đòn bẩy của ngân hàng có mối tương quan cùng chiều với hệ số CAR và có ý nghĩa thống kê tại mức ý nghĩa 5% trong mô hình. Các ngân hàng sử dụng đòn bẩy cao để tăng vốn chủ sở hữu do chi phí vốn chủ sở hữu cao. Cuối cùng các ngân hàng sử dụng đòn bẩy cao sẽ có vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn do đòn bẩy tạo ra. Do đó, có mối quan hệ cùng chiều giữa hệ số LEV và hệ số CAR.

Trong nghiên cứu này thì cứ tăng 1% hệ số đòn bẩy thì các ngân hàng thương mại Việt Nam sẽ tăng 0,903% hệ số CAR.

4. Một số kiến nghị

4.1. Đối với Ngân hàng Nhà nước

Tiếp tục chỉnh sửa các quy định ngày càng sát với các chuẩn về hệ số an toàn vốn theo hiệp ước Basel. Từng bước nâng các chỉ tiêu theo đúng tiến trình của hiệp ước Basel. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng việc mở rộng quy mô ngân hàng làm giảm hệ số an toàn vốn của ngân hàng. Do đó, Ngân hàng Nhà nước nên kiểm soát, giám sát quá trình mở rộng quy mô của các ngân hàng thương mại. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước cũng nên linh hoạt trong việc yêu cầu vốn pháp định tối thiểu của các ngân hàng thương mại. Việc bắt buộc các tổ chức tín dụng, ngân hàng phải đảm bảo yêu cầu vốn pháp định tối thiểu theo đúng lộ trình gây ra cuộc chạy đua tăng vốn, mở rộng quy mô làm tăng rủi ro cho các ngân hàng thương mại.

Để tăng hệ số an toàn vốn tối thiểu cho các ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước nên linh hoạt trong việc hỗ trợ thanh khoản cho các ngân hàng thương mại thông qua các nghiệp vụ thị trường mở và tái cấp vốn. Để hạn chế rủi ro cho các ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước cũng nên kiểm soát chặt chẽ quá trình mở rộng cho

vay, sử dụng đòn bẩy của các ngân hàng nhưng quản lý chặt chẽ mức tăng trưởng tín dụng, tỷ lệ đòn bẩy trong mức cho phép của Ngân hàng Nhà nước.

4.2. Đối với ngân hàng thương mại

Đề cao nhận thức về hệ số an toàn vốn vì suy cho cùng mục đích của tiêu chí này là nhằm nâng khả năng tự bảo vệ cho bản thân ngân hàng trong quá trình phát triển. Tuân thủ cách tính toán không chỉ theo các tiêu chuẩn của Việt Nam, mà còn theo chuẩn mức thế giới để nâng cao hình ảnh thương hiệu của ngân hàng trên trường quốc tế. Các ngân hàng thương mại cần có lộ trình phù hợp cho quá trình mở rộng quy mô của mình. Ngân hàng thương mại cần kiểm soát việc mở rộng quy mô vì làm giảm hệ số an toàn vốn của ngân hàng, đảm bảo các rủi ro gia tăng do mở rộng quy mô nằm trong tầm kiểm soát của ngân hàng.

Để nâng cao hệ số an toàn vốn, các ngân hàng thương mại cần tăng khả năng huy động vốn từ tiền gửi khách hàng. Ngân hàng cần từng bước nâng cao uy tín, thu hút tiền gửi của khách hàng để từng bước nâng cao tỷ trọng tiền gửi khách hàng trong tổng vốn huy động.

Các ngân hàng có thể tiến hành đẩy mạnh gia tăng lợi nhuận, gia tăng ROA bằng các biện pháp như đẩy mạnh cho vay, tăng sử dụng đòn bẩy, gia tăng tỷ suất lợi nhuận biên ròng. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy các biện pháp gia tăng lợi nhuận này làm giảm hệ số an toàn vốn của ngân hàng. Do đó, các ngân hàng cần thực hiện các biện pháp gia tăng lợi nhuận nằm trong phạm vi rủi ro cho phép của ngân hàng, hạn chế cho vay quá đà, sử dụng đòn bẩy ở mức vừa phải và hạn chế cho vay những khoản vay có mức rủi ro cao, là những khoản vay mang lại lợi nhuận cũng như mức lợi nhuận biên ròng cao cho ngân hàng.

Ngoài ra, các ngân hàng cần cải thiện tính thanh khoản để nâng cao hệ số an toàn vốn. Các ngân hàng cần cơ cấu lại tài sản nợ và tài sản có cho phù hợp, cơ cấu lại nguồn vốn huy động và cho vay trên thị trường, cơ cấu lại dư nợ cho vay ngắn hạn với cho vay trung

hạn, giữa nguồn huy động ngắn hạn dùng để cho vay trung, dài hạn. Đồng thời, thực hiện việc phát hành giấy tờ có giá, điều chỉnh cơ cấu cho vay vào các lĩnh vực nhạy cảm và rủi ro nhiều như chứng khoán, bất động sản và tiêu dùng, duy trì tỷ lệ dự trữ an toàn. Ngân hàng cần thực hiện việc quản lý rủi ro kỳ hạn, rủi ro thanh khoản một cách bài bản bằng cách chủ động xây dựng chính sách khung về quản lý rủi ro thanh khoản, thiết lập các quy trình cụ thể nhằm xác định, đo lường, kiểm soát các rủi ro về thanh khoản có thể xảy ra./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ahmad R, Ariff M, Skully M.J (2009). "The determinants of bank capital ratios in a developing economy". *Asia-Pacific Financial Markets Journal*, 3(4), pp. 255-272.
2. Angbazo L (1997). "Commercial bank net interest margins, default risk, interest-rate risk, and off-balance sheet banking". *Journal of Banking & Finance*, 21(1), pp. 55-87.
3. Blose L.E (2001). "Information asymmetry capital adequacy, and market reaction to loan loss provision announcements in the banking industry". *Quarterly Review of Economics and Finance*, 14 (2), pp. 239-258.
4. Chol G (2000). "The macroeconomic implications of regulatory capital adequacy requirements for Korean banks. *Econ. Notes by Banca Monte Dei Paschi Di Siena Sp A*, 29(1), pp. 111-143.
5. Gropp R and Heider F (2007). "What can corporate finance say about banks' capital structures?" *Working paper*.
6. Hahn P.J (1966). "Factors determining adequacy of capital in commercial banks". *Journal of Finance*, 21(1), pp. 135-136.
7. Hassan K (1992). "An empirical analysis of bank standby letters of credit risk". *Review of Financial Economics*, 2 (1), pp. 31-44.
8. Kleff V và Weber M (2003). "How do banks determine capital? Empirical evidence from Germany". *ZEW Disc. Paper*, pp.03-66.
9. Morrison AD và White L (2001). "The role of capital adequacy requirements in sound banking systems". *Oxford Fin. Res. Center Working Paper*. FE-04.
10. Mpuga P (2002). "The 1998-99 banking crisis in Uganda: What was the role of the new capital requirements?" *J. F. Reg. Comp.*, 10(3), pp. 224-242.
11. Shrieves R và Dahl D (1992). "The relationship between risk and capital in commercial banks". *J. Bank. Finan.*, 16, pp. 439-457.